

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12-9-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thanh và ông Lưu Đình Bằng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện P.

- **Đ diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Th1, Kiểm sát viên.

Ngày 12/9/2024, tại trụ sở; Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ L số: 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1997; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

* **Bị đơn:** Anh Trần Duy Đ, sinh năm 1993; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

3. Người làm chứng:

+ Bà Vũ Thị Th1, sinh năm 1967; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Th trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Trần Duy Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện P ngày 08/5/2017 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng chị bình thường được mấy tháng đầu sau đó nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ chơi đánh bạc số lô, số đề và chơi tài xỉu trên mạng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế của gia đình, bản thân chị và gia đình nhà chồng đã nhiều lần trả nợ thay và cũng rất nhiều

lần khuyên ngăn nhưng anh Đ không nghe mà vẫn tiếp tục chơi đánh bạc, mỗi lần chị tham gia khuyên ngăn thì vợ chồng lại xảy ra cãi nhau. Ngoài ra, giữa chị và anh Đ kết hôn với nhau đến nay đã 07 năm mà chưa có con nên cũng là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng. Chị và anh Đ chính thức sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có cuộc sống chung, không còn liên lạc và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ, đã 07 năm nay chị cố gắng chịu đựng mong anh Đ thay đổi tính nết nhưng cũng không có kết quả, cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh Đ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ chưa có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình thụ L, giải quyết vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh Trần Duy Đ nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc. Do đó, Toà án không thể tiến hành lấy lời khai của anh Đ về vấn đề quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung.

Người làm chứng:

- Bà Vũ Thị Th1 (là mẹ đẻ chị Th) trình bày: Quá trình vợ chồng chị Th, anh Đ chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng giữa hai anh chị bình thường nhưng thời gian sau cứ vài tháng bà lại nghe chị Th nói anh Đ đi chơi đánh bạc mất tiền, anh Đ nợ nần nhiều người đến tận nhà đòi, chị Th và gia đình nhà chồng chị Th đã nhiều lần phải đứng ra trả nợ thay. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Đ không thay đổi tính nết, vẫn tiếp tục chơi đánh bạc, ngay cả tiền vợ chồng đi chữa trị để sinh con anh Đ cũng lấy đi chơi đánh bạc. Cuối năm 2023 đầu năm 2024 bà thấy sức khỏe của chị Th ốm yếu, gia đình bà đã đến nói chuyện với bố mẹ chồng chị Th xin đón chị Th về gia đình bà một thời gian để nghỉ ngơi. Từ khi chị Th về gia đình bà cho đến nay, anh Đ cũng không có ý kiến đến đón chị Th về, chị Th và anh Đ không chung sống cùng nhau từ đó cho đến nay. Nay chị Th xin ly hôn anh Đ, gia đình bà xác định đây là chuyện riêng của hai anh chị, để hai anh chị tự quyết định, gia đình bà không có ý kiến gì. Chị Th và anh chưa có con chung; có tài sản chung, nợ chung hay không thì gia đình bà không nắm được, giữa gia đình bà với vợ chồng chị Th, anh Đ không liên quan gì về vấn đề tài sản, công nợ nên gia đình bà không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. Bà Th1 đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị L (là mẹ đẻ anh Đ) trình bày: Sau khi kết hôn, anh Đ và chị Th sống chung cùng gia đình bà, được hơn 01 năm thì hai anh chị ra ăn riêng nhưng vẫn ở chung cùng nhà bà. Quá trình chị Th, anh Đ chung sống, bà nhận thấy tình cảm giữa hai anh chị bình thường, tuy nhiên, anh Đ mãi chơi, không tu chí làm ăn, bà không rõ anh Đ chơi bởi gì dẫn đến nợ nần nhiều người, ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình. Cuối năm 2023, anh Đ và chị Th không chung sống cùng nhau nữa, vì L do chị Th khuyên ngăn anh Đ không chơi bởi nữa nhưng anh Đ không nghe

dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau, chị Th đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống từ cuối năm 2023. Ngoài ra, một phần cũng do hai anh chị kết hôn đã lâu mà chưa có con chung. Nay chị Th có đơn xin ly hôn anh Đ, đây là điều gia đình bà không mong muốn, tuy nhiên, hai anh chị đã trưởng thành nên để hai anh chị tự quyết định. Anh Đ và chị Th chưa có con chung, không có tài sản chung, gia đình bà không liên quan gì về vấn đề tài sản với vợ chồng anh Đ, chị Th nên bà không có yêu cầu, đề nghị gì. Hiện nay anh Đ đang đi làm công nhân trên khu công nghiệp phố Nối, tỉnh Hưng Yên, anh Đ làm ở công ty nào, địa chỉ cụ thể ra sao, anh Đ không nói nên bà không nắm được. Các văn bản, giấy tờ Toà án gửi cho anh Đ gia đình bà đều nhận được và đã thông báo cho anh Đ biết, còn anh Đ có đến Toà án để làm việc hay không thì gia đình bà không rõ. Do anh Đ không thường xuyên có mặt ở nhà nên mọi giấy tờ, văn bản Toà án gửi cho anh Đ, gia đình bà sẽ nhận thay và cam kết giao tận tay cho anh Đ. Bà L đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà theo quy định của pháp luật.

UBND thị trấn T cung cấp thông tin: Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Trần Duy Đ có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T ngày 08/5/2017 theo quy định của pháp luật, anh Đ và chị Th chưa có con chung. Địa phương chưa khi nào nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng chị Th và anh Đ, cũng như đơn đề nghị giải quyết tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên địa phương không nắm được chị Th và anh Đ mâu thuẫn về vấn đề gì, có tài sản chung, nợ chung hay không thì địa phương không nắm được. Tuy nhiên, theo nắm bắt thông tin tại địa phương thì được biết vợ chồng chị Th và anh Đ mâu thuẫn chủ yếu do anh Đ chơi bời dẫn đến ảnh hưởng kinh tế của gia đình, cụ thể anh Đ chơi bời gì thì địa phương không nắm rõ. Anh Đ vẫn ở cùng nhà với bố mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L và ông Trần Duy Đình tại thôn C, thị trấn T và đang đi làm công nhân tại khu công nghiệp Phố Nối, tỉnh Hưng Yên. Nay chị Th có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đ thì quan điểm của địa phương đề nghị Toà án căn cứ pháp luật xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt, trong đó: nguyên đơn có đơn đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có L do chính đáng; người làm chứng trong quá trình Toà án tiến hành tố tụng đều có quan điểm đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

Đ diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ L cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có L do nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Th, xử cho chị Th được ly hôn với anh Trần Duy Đ. Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện P nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Duy Đ có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Chị Th có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đ, Tòa án nhân dân huyện P thụ L vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Th có đơn đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Duy Đ vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có L do chính đáng; người làm chứng bà Vũ Thị Th1 và bà Nguyễn Thị L đều trình bày và đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Trần Duy Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên ngày 08/5/2017 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng chị Th và anh Đ bình thường được mấy tháng đầu sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ không tu chí làm ăn, chơi đánh bạc trên mạng dẫn đến nợ nần, ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình, chị Th và gia đình nhà chồng nhiều lần phải trả nợ thay cho anh Đ và cũng đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Đ không thay đổi tính nết, vẫn tiếp tục chơi đánh bạc. Ngoài ra, chị Th và anh Đ kết hôn đã nhiều năm mà chưa có con chung cũng là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng. Chị Th và anh Đ đã sống ly thân, không chung sống cùng nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay, không còn liên lạc và không còn trách nhiệm với nhau. Đến nay chị Th xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ, chị Th yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập, gửi các văn bản tố tụng cho anh Đ thông qua gia đình nhưng anh Đ đều không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên hoà giải cho thấy anh Đ cố tình không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, không mong muốn hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị Th có đơn khởi

kiện xin ly hôn anh Đ là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu Th xác nhận, chị và anh Đ chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Th xác định giữa chị và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn chị Th không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đ, Tòa án không tiến hành lấy lời khai của anh Đ về vấn đề tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung. Sau khi ly hôn, nếu anh Đ có đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng canh tác chung giữa anh Đ và chị Th thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Th, xử cho chị Nguyễn Thị Thu Th được ly hôn với anh Trần Duy Đ.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Trần Duy Đ không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Th xác định giữa chị và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn chị Th không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, nếu anh Đ có đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng canh tác chung giữa anh Đ và chị Th thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã

nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: BLTU/24/0001267, ngày 05/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, chị Th đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND TT T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Mạnh Quyền